CHI TIẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Tên thủ tục	Đăng ký tạm trú
Mã thủ tục	1.004194
Số quyết định	9354/QĐ-BCA-C06
Cấp thực hiện	Xã
Loại thủ tục	TTHC được luật giao quy định chi tiết
Lĩnh vực	Đăng ký, quản lý cư trú
Đối tượng thực hiện	Hợp tác xã, Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)
Cơ quan có thẩm quyền	Công an cấp Xã
Địa chỉ tiếp nhận HS	Công an cấp xã
Cơ quan được ủy quyền	
Cơ quan phối hợp	

TRÌNH TỰ THỰC HIỆN

Bước 1: Cá nhân, tổ chức chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.
Bước 2: Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ đến Công an cấp xã.
Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký tạm trú, cán bộ đăng ký kiểm tra hồ sơ, đối chiếu các thông tin mà công dân đã khai báo với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, cơ sở dữ liệu khác có liên quan, hệ thống thông tin, Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân để kiểm tra tính chính xác các thông tin. Đối chiếu với các quy định của pháp luật về cư trú và thực hiện như sau:
- Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện theo quy định tại Điều 27 Luật Cư trú thì cán bộ đăng ký tiếp nhận và cấp Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Mẫu CT04 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA) cho người đăng ký.
- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì từ chối và cấp Phiếu từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ (mẫu CT06 ban hành kèm theo Thông tư số 66/2023/TT-BCA) cho người đăng ký.
Bước 4: Cá nhân, tổ chức nộp lệ phí đăng ký tạm trú theo quy định.
Bước 5: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận thông báo kết quả giải quyết thủ tục đăng ký cư trú (nếu có).

THÀNH PHẦN HỒ SƠ

Trường hợp 1: * Hồ sơ đăng ký tạm trú gồm:

Tên giấy tờ	Mẫu đơn, tờ khai	Số lượng
Ví dụ: Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp là giấy tờ, tài liệu chứng nhận về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do cơ quan có thẩm quyền cấp qua các thời kỳ theo quy định của pháp luật về đất đai và nhà ở được khai thác trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai thì không phải xuất trình giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp.		Không có
Thông tin chứng minh về chỗ ở hợp pháp được khai thác trong căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử trên hệ thống định danh và xác thực điện tử qua Ứng dụng định danh quốc gia hoặc trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về cư trú, Kho quản lý dữ liệu điện tử tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác. Trường hợp không khai thác được thông tin thì công dân xuất trình giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định 154/2024/NĐ-CP ngày 26/11/2024 của Chính phủ.		1 bản chính

Tờ khai thay đổi thông tin cư trú (Mẫu CT01 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA); đối với người đăng ký tạm trú là người chưa thành niên thì trong tờ khai phải ghi rõ ý kiến đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ, trừ trường hợp đã có ý kiến đồng ý bằng văn bản;	1.MuCT01banhnhkmtheoThngts53.doc	1 bản chính

Trường hợp 2: * Đăng ký tạm trú theo danh sách, hồ sơ gồm:

Tên giấy tờ	Mẫu đơn, tờ khai	Số lượng
Tờ khai thay đổi thông tin cư trú (của từng người) (Mẫu CT01 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA).	1.MuCT01banhnhkmtheoThngts53.doc	1 bản chính
Văn bản đề nghị đăng ký tạm trú, trong đó ghi rõ thông tin về chỗ ở hợp pháp kèm danh sách người tạm trú. Danh sách bao gồm những thông tin cơ bản của từng người: họ, chữ đệm và tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; số định danh cá nhân và thời hạn tạm trú.		1 bản chính, 1 bản sao

Trường hợp 3: Đăng ký tạm trú tại nơi đơn vị đóng quân trong Công an nhân dân, Quân đội nhân nhân (đơn vị đóng quân, nhà ở công vụ) hồ sơ gồm:

Tên giấy tờ	Mẫu đơn, tờ khai	Số lượng
Đối với Quân đội nhân dân: Giấy giới thiệu đăng ký tạm trú của đơn vị cấp trung đoàn và tương đương trở lên.		1 bản chính
Tờ khai thay đổi thông tin cư trú (Mẫu CT01 ban hành kèm theo Thông tư số 53/2025/TT-BCA).	1.MuCT01banhnhkmtheoThngts53.doc	1 bản chính
Đối với Công an nhân dân: Giấy giới thiệu của Thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp ghi rõ nội dung để làm thủ tục đăng ký tạm trú và đơn vị có chỗ ở cho cán bộ chiến sĩ (ký tên, đóng dấu).		1 bản chính

Trường hợp 4:

Tên giấy tờ	Mẫu đơn, tờ khai	Số lượng

*Lưu ý: - Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh chỗ ở hợp pháp để đăng ký tạm trú là văn bản cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ nhà ở, nhà khác của cá nhân, tổ chức thì văn bản đó không bắt buộc phải công chứng hoặc chứng thực. - Người nước ngoài được nhập quốc tịch Việt Nam khi đăng ký tạm trú lần đầu phải có Quyết định của Chủ tịch nước về việc cho nhập quốc tịch Việt Nam. Người gốc Việt Nam được trở lại quốc tịch Việt Nam khi đăng ký tạm trú lần đầu sau khi được cho trở lại quốc tịch Việt Nam phải có Quyết định của Chủ tịch nước về việc cho trở lại quốc tịch Việt Nam trừ trường hợp đã khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc tịch. - Công dân đăng ký tạm trú về với hộ gia đình thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Cư trú khi chủ hộ, chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp đồng ý và không phải xuất trình, cung cấp giấy tờ chứng minh chỗ ở hợp pháp. - Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày người chưa thành niên được đăng ký khai sinh thì phải thực hiện thủ tục đăng ký cư trú.		Không có

CÁCH THỨC THỰC HIỆN

Hình thức nộp	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí	Mô tả
Trực tuyến	3 ngày làm việc	7.000 VNĐ, 5.000 VNĐ, Miễn phí	- Nộp hồ sơ trực tuyến qua các cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến như: Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng VNeID hoặc dịch vụ công trực tuyến khác theo quy định của pháp luật. Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật)., - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Công an cấp xã. Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).
Trực tiếp	3 ngày làm việc	10.000 VNĐ, 15	- Nộp hồ sơ trực tuyến qua các cổng c

		.000 VNĐ, Miễn phí	ung cấp dịch vụ công trực tuyến như: Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, ứng dụng VNeID hoặc dịch vụ công trực tuyến khác theo quy định của pháp luật. Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật)., - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Công an cấp xã. Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính các ngày làm việc từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật).

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Tên văn bản pháp lý	Mã văn bản
Thông tư số 54/2025/TT-BCA ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.	54/2025/TT-BCA
Thông tư Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	85/2019/TT-BTC
Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú	154/2024/NĐ-CP
Thông tư 56/2021/TT-BCA	56/2021/TT-BCA
Thông tư số 53/2025/TT-BCAngày 01/7/2025 của Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2023/TT-BCA ngày 17 tháng 11 năm 2023; Thông tư số 17/2024/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước.	53/2025/TT-BCA

Thông tư số 66/2023/TT-BCA Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú; Thông tư số 56/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu trong đăng ký, quản lý cư trú; Thông tư số 57/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy trình đăng ký cư trú.	66/2023/TT-BCA
Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ: Quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu	66.7/2025/NQ-CP
Luật Cư trú 2020	68/2020/QH14
Thông tư 57/2021/TT-BCA	57/2021/TT-BCA
Thông tư số 75/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính: Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú	75/2022/TT-BTC
Thông tư 55/2021/TT-BCA	55/2021/TT-BCA

CƠ QUAN THỰC HIỆN

Công an cấp Xã

YÊU CẦU, ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN

KẾT QUẢ XỬ LÝ

Phiếu từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ (lĩnh vực cư trú)

Mã: KQ.G01.000067

Cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu về cư trú

Mã: KQ.G01.000066

Thông báo kết quả giải quyết thủ tục về cư trú, hủy bỏ thủ tục về cư trú

Mã: KQ.G01.000065

Cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

Mã: KQ.G01.000064

TỪ KHÓA

MÔ TẢ